TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **06**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 08 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 144/2025/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn G, xã B, tỉnh Thanh Hóa

Căn cước công dân số: 038199012653; ngày cấp: 04/12/2024.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn G, xã B, tỉnh Thanh Hóa

Căn cước công dân số: 038092001748; ngày cấp: 13/6/2021.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T công nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 09/3/2019 và Nguyễn Văn Thành Tr, sinh ngày 05/02/2022. Chị N và anh T tự nguyện thỏa thuận anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005540 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 2 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Hà